UBND THỊ XÃ A YUN PA

Biểu số 76/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số 081/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC NGÂN SÁCH
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14
	TỔNG SỐ	**153.932**	**86.201**	**410**	**1.674**	**2.085**	**1.945**	**423**	**4.420**	**16.487**	**0**	**1.679**	**27.446**	**2.762**	**6.580**	**3.499**
1	Trường Mầm non Họa Mi	1.523	1.523													
2	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	988	988							0						
3	Trường Mầm non Tuổi Thơ	1.669	1.669							0						
4	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1.129	1.129							0						
5	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	1.162	1.162							0						
6	Trường Mầm non Hoa Hồng	1.485	1.485							0						
7	Trường Mẫu giáo Sao Mai	1.791	1.791							0						
8	Trường Mầm non Hoa Sen	2.133	2.133							0						
9	Trường TH Kim Đồng	1.866	1.866							0						
10	Trường TH Lê Hồng Phong	2.310	2.310							0						
11	Trường TH Chu Văn An	3.900	3.900							0						
12	Trường TH-THCS Lê Văn Tám	4.283	4.283							0						
13	Trường TH Bùi Thị Xuân	4.148	4.148							0						
14	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	5.244	5.244							0						
15	Trường Tiểu học Nay Đer	5.983	5.983							0						
16	Trường TH Nguyễn Trãi	3.269	3.269							0						
17	Trường THCS Lê Lợi	1.960	1.960							0						
18	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	2.041	2.041							0						
19	Trường THCS Phạm Hồng Thái	2.300	2.300							0						
20	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	2.373	2.373							0						
21	Trường THCS Trần Hưng Đạo	4.151	4.151							0						
22	Trường THCS Nguyễn Huệ	6.285	6.285							0						
23	Trường THCS PT DT Nội trú	4.967	4.967							0						

A	B		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14
24	Phòng Giáo dục - Đào tạo	6.427	6.427							0						
25	Ban Quản lý ĐTXD TX	6.623	3.150						1.073	2.400						
26	Trung tâm Bồi dưỡng - chính trị	1.309	1.309							0						
27	Trung tâm GDNN-GDTX	1.509	1.509							0						
28	Trường TC KTKT đông Gia Lai	180	180							0						
29	Phòng y tế - (Y tế thôn bản)	164			164					0						
30	Hội chữ thập đỏ	292			292					0						
31	Trung tâm DS&KHH gia đình	1.218			1.218					0						
32	Đài Truyền thanh - Truyền hình	1.945					1.945			0						
33	Công an	460							45	0				415		
34	Thị đội	2.347								0				2.347		
35	Văn phòng Thị ủy	7.431								0			7.431			
36	Ủy ban Mặt trận TQVN	1.855								0			1.855			
37	Hội Phụ nữ	647								0			647			
38	Thị Đoàn	901								0			901			
39	Hội Nông dân	816								0			816			
40	Hội Cựu chiến binh	410								0			410			
41	Văn phòng HĐND-UBND	4.296								0			4.296			
42	Hội đồng nhân dân	1.057								0			1.057			
43	Phòng Tài chính-KH	1.033								0			1.033			
44	Phòng Văn hóa thông tin	2.989				2.085		423		0			481			
45	Phòng Tài nguyên & MT	1.059							396	0			663			
46	Phòng Giáo dục - Đào tạo	763								0			763			
47	Phòng Kinh tế	2.305		410						987		987	908			
48	Thanh tra thị xã	716								0			716			
49	Phòng Lao động TB&XH	6.941								0			744		6.197	
50	Phòng Tư pháp	490								0			490			
51	Phòng Quản lý đô thị	503								0			503			
52	Phòng Nội vụ	2.354								0			2.354			
53	Phòng Y tế	340								0			340			
54	Phòng dân tộc	610								87		87	523			
55	Ban đại diện người cao tuổi	63								0			63			
56	Câu lạc bộ VH nghệ thuật	63								0			63			
57	Hội nạn nhân CĐDC/Dioxxin	63								0			63			
58	Hội bảo trợ TT&TMC	63								0			63			
59	Hội Cựu tù CT yêu nước	63								0			63			
60	Hội khuyến học	63								0			63			
61	Ban Liên lạc NN HĐKC	63								0			63			
62	Hội Cựu giáo chức	14								0			14			
63	Hội Đông y	24								0			24			
64	Hội Cựu TN xung phong	34								0			34			
65	Trạm Khuyến nông	605								605		605				
66	Đội Công trình đô thị	10.136							2.906	7.230						

A	B		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14
67	Phòng Quản lý đô thị	1.693								1.693						
68	BCĐ Thi hành án dân sự TX	9								0						9
69	Hạt Kiểm Lâm	25								0						25
70	Công an thị xã	25								0						25
71	Trạm Thú y	60								0						60
72	Ngân hàng Chính sách XH TX	500								0						500
73	Nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu	4.653	4267							3					383	
74	Chi cho các nhiệm vụ, nhiệm vụ cần thiết, đột xuất, phát sinh	8.762	2.400							3.482						2.880